

Phương pháp của Các Mác trong việc phát hiện bản chất của cái đẹp

Đỗ Thị Minh Thảo*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 11 năm 2013,
Chỉnh sửa ngày 24 tháng 2 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Ngày nay khi tri thức khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thì đã từ lâu tri thức về kinh tế được xem là nền tảng chung cho sự phát triển xã hội. Trong thực tế, tỷ lệ thành công của lớp tri thức đặc thù về kinh tế luôn đóng vai trò là nhân tố sáng tạo của vô số các thương hiệu hàng hóa trong đời sống xã hội hiện đại. Trong khi đó, tỷ lệ thất bại lại có thể nằm ngay trong chính lớp tri thức kinh tế chung, nếu nó không được vận hành để trở thành tri thức kinh tế đặc thù. Từ câu chuyện về tri thức đặc thù kinh tế, có thể rút ra những bài học từ di sản triết học - mỹ học của C. Mác, trong đó lịch sử của cái đẹp (thuộc về lớp tri thức đặc thù) đã được tiếp cận đồng hành với vấn đề kinh tế (nền tảng chung cho sự phát triển đời sống xã hội). Điều này có ý nghĩa phương pháp luận rõ rệt trong nhận thức duy vật về lịch sử chống lại những hạn chế trong nhận thức của chủ nghĩa duy vật kinh tế (khi coi kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất trong lịch sử xã hội). Đã từ lâu, cái đẹp được coi là thước đo chỉ phẩm chất con người, là thước đo của con người trong thế giới đối tượng, luôn đóng vai trò là sức bật mới của kinh tế. Bởi vì, tựu chung lại thì kinh tế sẽ chẳng là gì nếu không hướng tới mục tiêu vì con người, mục tiêu xây dựng xã hội loài người ngày một tốt đẹp hơn. C.Mác chính là một trong những bậc thầy vĩ đại nhất của nhân loại, đã sử dụng phương pháp luận của cái chung để phát hiện và tiếp cận đến phương pháp luận của cái đặc thù. Hơn nữa C.Mác còn xác lập cái đẹp như một phạm trù đòn bẩy của kinh tế qua luận điểm: "... con người cũng xây dựng theo các quy luật của cái đẹp" [1]. Qua phạm trù cái đẹp, chúng ta hoàn toàn có thể lý giải tốt bản chất con người, xã hội loài người từ cả hai nguồn gốc: xã hội và nhân văn.

Từ khóa: Tri thức đặc thù về kinh tế, cái đẹp thuộc về lớp tri thức đặc thù, chủ nghĩa duy vật kinh tế, phương pháp luận của cái đặc thù, cái đẹp là sức bật mới của kinh tế.

Dẫn nhập

Trong lĩnh vực của cái đẹp luôn tồn tại cái logic đặc thù của bản thân nó như một đối tượng đặc thù. Vượt qua tất cả các triết gia

khác trong việc nghiên cứu bản chất của các hiện tượng xã hội bằng phương pháp phát hiện cái "logic đặc thù của đối tượng đặc thù" [2], xuất phát từ khởi điểm là một hành động, C.Mác đã đặt nền tảng cho nguyên lý mỹ học của chủ nghĩa Mác về nguồn gốc lao động của cái đẹp. Theo Mác, chính lao động đã sáng tạo ra bản thân cái đẹp.

*ĐT: 84-979344068

Email: dominhthao508@gmail.com

Trong toàn bộ mục đích cuối cùng mà bất cứ một triết gia vĩ đại nào cũng đều hướng đến, đó chính là tri thức về cái đặc thù. Nó đòi hỏi rằng, việc nhận thức cần hướng tới toàn bộ thực tiễn trong tất cả các mặt, các hình thái phong phú của nó. Cùng với I.Cantơ¹ và Ph.Hêghen², C.Mác là một trong số các triết gia lớn của nhân loại có tư duy rất rõ ràng trong đường hướng tìm kiếm tri thức đặc thù về cái đẹp. Để có được tri thức về cái đặc thù, thì tri thức về cái chung chính là điểm khởi đầu, là nền tảng. Ý tưởng của I.Cantơ hướng đến là phạm vi của khoái cảm thẩm mỹ. Từ lĩnh vực của cái chủ quan, I.Cantơ tìm thấy tri thức đặc thù của cái đẹp. Do đó, cái đẹp nằm gọn trong mối tương quan giữa quan năng giác tính (nhận thức luận chung) với quan năng cảm giác giác quan (năng lực chủ thể tính); giữa tính tất yếu chủ quan (cái chung) với nhân tố cá nhân của thị hiếu thẩm mỹ (cái riêng). Ở I.Cantơ, tri thức về cái đặc thù cũng đạt đến sự thống nhất giữa lý tưởng thẩm mỹ và bản chất của chủ thể. Lý tưởng của cái đẹp chỉ có thể là một đối tượng duy nhất mà mục đích sự tồn tại của nó nằm ngay trong bản thân nó. Theo Cantơ, bản chất ấy chỉ có thể có ở con người. Chỉ có con người mới tự mình xác định được mục đích của mình qua lý trí. Nếu như con người có vay mượn mục đích từ tri giác bên ngoài, thì con người cũng có thể kết hợp chúng với những mục đích của chính mình và trong sự phù hợp với chúng, để có thể đánh giá một cách thẩm mỹ. Vì vậy, Cantơ cho rằng chỉ có con người mới có lý tưởng cái đẹp và qua con

người chỉ có xã hội loài người mới có thể một mình đứng giữa tất cả sự tồn tại trong vũ trụ hướng đến lý tưởng hoàn mỹ.

Ở Hêghen, tri thức về cái đặc thù là cả một sự vận động và phát triển của thực tiễn tinh thần, của ý niệm tuyệt đối liên tục vượt bỏ chính bản thân mình để có thể đưa cái chung (ý niệm tuyệt đối) “hóa thân” trong cái riêng (các hình thức vật chất, hay tính hình tượng của nghệ thuật). Quá trình tự vượt bỏ này (phủ định của phủ định) là nhằm vươn đến trình độ tối cao nhất của nó trong phạm vi đặc thù - đó chính là tinh thần tuyệt đối, hợp nhất tinh thần khách quan và tinh thần chủ quan, hợp nhất cái chung và những cái riêng. Lĩnh vực tinh thần sẽ vận động thâm nhập vào trong các lĩnh vực vật chất, để trở thành một thể thống nhất giữa nội dung (ý niệm tuyệt đối) và các hình thức vật chất truyền tải, thống nhất giữa cái tuyệt đối và cái tương đối ở giai đoạn nghệ thuật. Sau đó ý niệm tuyệt đối lại rời bỏ lĩnh vực vật chất để vươn tới những hình thức phổ biến hơn.

Ở Mác, tri thức về cái đặc thù được xem xét gắn liền với thực tiễn vật chất của đời sống xã hội. Tri thức về cái đặc thù là tri thức về bản chất xã hội của con người thông qua các đặc điểm hình thái của nó. Vì vậy, việc phân tích lịch sử xã hội đơn thuần chỉ dựa trên phương diện kinh tế là thể hiện hình thái cực đoan của chủ nghĩa duy vật kinh tế, và đó là một hệ thống đơn tử. Theo quan niệm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong lịch sử, xét đến cùng là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. C.Mác và Ph.Ăngghen chưa bao giờ bênh vực cho chủ nghĩa duy vật kinh tế, theo đó nhân tố kinh tế được coi là nhân tố quyết định **duy nhất**. Do đó, luận điểm trên không nên được hiểu sai theo hướng này.

Để phát hiện cái “logic đặc thù của đối tượng đặc thù”, Mác đã tiến hành luận chứng

¹ Immanuel Cantơ (1724-1804) nhà triết học, mỹ học Đức thuộc đường hướng duy tâm chủ quan. Người đặt nền móng cho triết học cổ điển Đức và có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các lý thuyết triết học, mỹ học phương Tây hiện đại.

² G.V.Ph.Hêghen (1770-1831) là nhà triết học, mỹ học duy tâm khách quan, đại biểu vĩ đại của triết học cổ điển Đức.

thông qua một loạt quan điểm, được rút ra từ phương pháp biện chứng duy vật như sau:

Quan điểm hình thái

Phương pháp hình thái được C.Mác kế thừa từ trong hạt nhân phép biện chứng của Hêghen. Do C.Mác không chỉ nhìn thấy trong phép biện chứng của Hêghen quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển, mà còn kế thừa ở phép biện chứng của Hêghen *quan điểm hình thái*³. Tuy nhiên, nếu như ở Hêghen, quan điểm hình thái mới chỉ dừng lại ở cách hiểu về “hình thức” và tập trung khảo sát trên ba giai đoạn phát triển của hình thức nghệ thuật (hình thức nghệ thuật tượng trưng, hình thức nghệ thuật cổ điển và hình thức nghệ thuật lãng mạn) phù hợp với những hình thức đặc thù của cái đẹp, thì ở C.Mác quan điểm hình thái đã đạt đến độ chín muồi khi ông khảo sát trong toàn bộ lịch sử xã hội để từ đó xây dựng nên quan niệm duy vật về lịch sử. Động thái này đã có thể mở ra cả một đường hướng tiếp cận hình thái học trên

³ Khác với Hêghen mới chỉ sử dụng tư duy hình thái của phép biện chứng ở cách hiểu về “hình thức”, C.Mác đã sử dụng phương pháp hình thái như một ưu thế của phép biện chứng duy vật trong việc chỉ ra các lớp cấu tạo có tính hệ thống của xã hội (lao động, giá trị, kinh tế, cái đẹp). Như vậy, quan điểm hình thái trong quan niệm duy vật về lịch sử là quan điểm cho phép nghiên cứu, tiếp cận đối tượng từ nhiều lớp, nhiều dạng thức, biểu hiện dưới nhiều trạng thái hay sự biểu hiện của các mặt cấu tạo. “Hình thái” trước hết chính là các mặt “hình thức”. Tuy nhiên hình thái không đơn thuần chỉ là hình dạng, hình thức. Nó còn có nghĩa là sự cấu tạo trong một tính chỉnh thể, tính hệ thống xã hội (formation). Xem cách dùng trong cụm từ “die ökonomische Gesellschaftsformation” (hình thái kinh tế xã hội) hay formation socio-économique (hình thái kinh tế xã hội) (Từ điển thuật ngữ triết học - chính trị Nga - Việt (có chú thêm tiếng Pháp) Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.87)

Theo V.P Cu-dơ-min, C.Mác đã nghiên cứu xã hội là một loại hệ thống hữu cơ xác định, phát triển theo những quy luật của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Với ý nghĩa đó, *hình thái* là một kiểu hay một “loại” cơ chế xã hội có tính lịch sử. (xem V.P.Cu-dơ-min: *Nguyên lý tính hệ thống trong lý luận và phương pháp luận của C.Mác*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.23).

các lớp đối tượng xã hội đặc thù của các khoa học xã hội hiện đại như kinh tế - chính trị học, văn hóa học, xã hội học, tôn giáo học, hình thái học nghệ thuật, nghệ thuật học, mỹ học v.v... Có thể nhận thấy ngay như trong tác phẩm “*Tư bản*” của C.Mác, logic biện chứng của bộ “*Tư bản*”, đã thể hiện *điểm đặc sắc của nó - đó chính là logic biện chứng của quan điểm hình thái*, khi Mác phân tích một loạt các vấn đề kinh tế, lao động và giá trị. Cũng trên quan điểm hình thái, Mác và Ăngghen đã muốn chấm dứt tình trạng mà các nhà triết học trước Mác thường gặp phải, đó là coi triết học như là khoa học của khoa học, do đó đem đối lập triết học với khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, đối lập “triết học tự nhiên” với khoa học tự nhiên, “triết học về lịch sử” với khoa học lịch sử, “triết học về nghệ thuật” với nghệ thuật học....

Với việc tiếp cận đến bản chất của cái đẹp theo quan điểm hình thái, C.Mác đã khái quát một số khía cạnh phương pháp luận của việc nghiên cứu đối tượng đặc thù như sau:

Thứ nhất, thực chất của việc phân tích các hiện tượng xã hội bằng nguyên lý về tính hệ thống lại luôn biểu hiện *đặc điểm ở các hình thái chất lượng xã hội*⁴. Ở phạm trù “*Lao động*”, có hai biểu hiện đặc điểm của hình thái chất lượng xã hội đó là: *hình thái kinh tế*, tức là phương thức tồn tại xã hội ở dạng đời sống sản xuất vật chất, và *hình thái thẩm mỹ*, tức là *cái đẹp* như là phương thức tồn tại của bản thể con người. ***Đây thực chất là hai hình thái chất lượng xã hội lớn nhất của lao động (TG nhấn mạnh)***. Cả hình thái kinh tế và hình thái thẩm mỹ đều tồn tại dưới hai dạng thức: *quan hệ và đời sống*. *Quan hệ* sở dĩ được coi là một hình thái đời sống, vì nó thực

⁴ *Hình thái chất lượng xã hội* là khái niệm dùng để chỉ các lớp hình thái kết tinh giá trị của lao động xã hội. Hêghen cho rằng chất lượng là “cái đo lường nội tại” (*Khoa học logic*).

chất là những quan hệ sống, và *đời sống* sở dĩ được coi là một tính thực tại, vì nó vận hành tổng hòa (toàn bộ) các hình thái quan hệ ở dạng chiều sâu của kinh nghiệm sống của bản thể hay tồn tại con người. Khi đi sâu vào phân tích từng mặt, cũng như khi xem xét mối quan hệ giữa hai hình thái kinh tế và cái đẹp, C.Mác đều nghiên cứu ở cả hai dạng thức: quan hệ và đời sống. Ông chưa bao giờ tách quan hệ ra khỏi phạm vi đời sống nói chung, cũng như chưa bao giờ tách quan hệ sản xuất ra khỏi đời sống sản xuất nói riêng. Điều này cũng được thấy ở “người tiền nhiệm” trước Mác - Tsécunsepxki. Nhà triết học - mỹ học duy vật nhân bản Nga thế kỷ XIX này đã luôn đặt rõ mối quan hệ giữa nghệ thuật với đời sống hiện thực, cùng với việc đưa ra tuyên ngôn dưới dạng đời sống của cái đẹp: “Cái đẹp là cuộc sống”.

Còn qua bộ “*Tư bản*”, C.Mác đã phát hiện ra *tính chất hai mặt hình thái trong hình thái của lao động* ở quan hệ kinh tế, đó là: hình thái giá trị sử dụng và hình thái giá trị trao đổi. Trong bức thư gửi Ph.Ăngghen để thông báo về việc đã hoàn tất công việc của tập 1 bộ “*Tư bản*”, C.Mác đã viết như sau: “Điều hay nhất trong cuốn sách của tôi là *1. Tính chất hai mặt của lao động*, được nhấn mạnh ngay trong *chương đầu*, tùy theo lao động được biểu hiện ra trong giá trị sử dụng hay trong giá trị trao đổi (toàn bộ nhận thức về các sự kiện đều dựa trên điểm này...) [3].

Giá trị của phương pháp phân tích tính chất hai mặt về hình thái của lao động, ở Mác, đó chính là thể hiện tính ưu việt, tính vượt trội của phương pháp biện chứng duy vật trong việc phân tích những cơ sở của hoạt động thực tiễn của con người khi tạo ra lịch sử của chính mình. Điều này khác với Hêghen, ở phương pháp biện chứng duy tâm của Hêghen, hình thái thẩm mỹ chẳng qua cũng chỉ là một trạng thái tha hóa của tinh thần tuyệt đối ở trình độ phát triển của nghệ thuật. Lao động sáng tạo

thẩm mỹ nói chung và nghệ thuật nói riêng trở thành hoạt động thụ động ngay trong tính nội tại của lịch sử phát triển của tinh thần đã ô m trộn lẫn lịch sử phát triển của các lực lượng vật chất. Theo Mác, đó chính là “*Phép biện chứng duy tâm lộn đầu ngược xuống đất*”.

Phương pháp biện chứng duy vật của Mác tỏ rõ tính ưu thế của nó trong việc xác lập vị trí nền tảng của lao động cho mọi tiến trình hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần được nảy sinh từ trên cái cơ sở chung đó. Và như vậy, lao động sáng tạo thẩm mỹ nói chung, nghệ thuật nói riêng, trở thành hoạt động tự do, chủ động ngay trong tính nội tại và trên bình diện phổ quát của lịch sử phát triển của các lực lượng vật chất, ô m trộn lẫn cái lịch sử phát triển của các lực lượng tinh thần. Ở Mác, chính sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đã cải biến phương pháp biện chứng duy tâm của Hêghen.

Trong lời tựa bộ “*Tư bản*”, C.Mác đã giải thích về điểm này. Ông cho rằng phương pháp biện chứng của mình chẳng những khác căn bản với phương pháp biện chứng của Hêghen, mà còn đối lập hẳn với phương pháp đó. Đối với Hêghen, sự vận động của tư duy, mà Hêghen coi là một chủ thể độc lập dưới cái tên ý niệm, là đáng sáng tạo ra hiện thực, còn hiện thực chỉ là hình thức biểu hiện của ý niệm. Đối với Mác thì trái lại, vận động của tư duy chẳng qua chỉ là cái phản ánh của vận động hiện thực được chuyển vào và biến đổi trong bộ óc của con người.

Việc phân tích tính chất hai mặt của lao động trong hình thái hàng hóa cũng được Mác chỉ ra: “Thoạt tiên hàng hóa thể hiện ra trước mắt chúng ta như là một cái gì đó có hai mặt: giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Sau đó chúng ta lại phát hiện ra rằng, khi *biểu hiện ra trong giá trị thì lao động không còn giữ những đặc*

trung mà nó có với tư cách là kẻ sáng tạo ra giá trị sử dụng. Tôi là người đầu tiên đã chứng minh một cách có phê phán tính chất hai mặt ấy của lao động chứa đựng trong hàng hóa” [4]⁵.

Thứ hai, về mặt hình thái chất lượng xã hội lớn thứ hai của lao động sau mặt kinh tế đó chính là *mặt thẩm mỹ*, tức là *cái đẹp* và cũng là *phương thức tồn tại bản thể dưới dạng đặc thù* (cái bản thể của con người). C.Mác đã sớm phát hiện ra tính chất xung đột từ hai mặt của hình thái thẩm mỹ trong điều kiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là: hình thái lao động tự do sáng tạo mang tính loài và hình thái lao động sản xuất bị tha hóa.

Lao động nhìn từ quan điểm hình thái bao gồm hai mặt hay hai hình thái: lao động sản xuất (mặt kinh tế) và lao động tự do sáng tạo (mặt thẩm mỹ). Biểu hiện trong bản chất con người nằm ở phương thức tồn tại *bản thể của con người* đó là: hình thái lao động sản xuất (mặt kinh tế, phương thức tồn tại xã hội) và hình thái lao động tự do (sáng tạo theo các quy luật của cái đẹp). Tính chất hai mặt của cái đẹp biểu hiện trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật trong điều kiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng biểu hiện qua hai hình thái: hình thái nghệ thuật sản xuất và hình thái nghệ thuật không sản xuất, thống nhất trên nền tảng lao động sản xuất và lao động không sản xuất. “Người nữ ca sĩ - C.Mác viết - tự mình bán lấy lời ca của mình là *một người lao động không sản xuất*. Nhưng cũng nữ nghệ sỹ ấy, được chủ gánh hát mời và bắt phải hát để cho hấp vơ

tiền, - thì lại là *người lao động sản xuất*, bởi vì người nữ ca sĩ đó sản xuất ra tư bản” [5].

C.Mác là người đầu tiên đã chứng minh tính chất hai mặt thuộc đặc tính chất lượng của lao động (mặt đời sống sản xuất vật chất như là phương thức tồn tại xã hội) và mặt thẩm mỹ trên phương diện sáng tạo cái đẹp như là phương thức tồn tại con người viết hoa, mà Mác gọi là *bản thể của con người* [6].

Như vậy, bằng việc phân tích các mặt hình thái chất lượng của một loạt các hiện tượng xã hội như lao động, kinh tế, giá trị, và cái đẹp..., Mác đã thực hiện các thao tác phân tích khoa học trên một tổng thể hệ thống. Thực chất, cái đẹp là một hình thái giá trị lao động thực tiễn. Đây là một định nghĩa về cái đẹp mà chúng ta có thể rút ra thông qua phương pháp phát hiện bản chất cái đặc thù của Mác, là kết luận quan trọng mà chúng ta có thể rút ra từ những phân tích khoa học của Mác. Kết luận này về bản chất của cái đẹp như là một hệ đặc điểm cấu trúc tổng hòa của hệ thống, là một định nghĩa mang ý nghĩa phương pháp luận được rút ra, chứ không phải là điểm xác định khởi đầu cho việc nghiên cứu. Sự khác biệt ở đây là, từ điểm khởi đầu của việc nghiên cứu, cái đẹp hiện ra như là *một giá trị, một kết quả* của lao động (lao động sáng tạo ra cái đẹp). Còn ở kết luận mang ý nghĩa phương pháp luận được rút ra thì *cái đẹp chính là một dạng tổng thể của các hình thái giá trị lao động thực tiễn*⁶.

Về phương diện giá trị, C.Mác đã phân tích một cách hợp đề giữa hai hình thái giá trị: giá trị kinh tế và giá trị cái đẹp của lao động. Trong giá trị kinh tế, lao động lại biểu ra cụ thể trong hình thái của hàng hóa ở hai hình

⁵ Theo tác giả bài viết thì ý hình thái của C.Mác ở đây là ý ẩn, vì cần phải xét một cách tổng thể những phân tích có tính hình thái của C.Mác ở các tác phẩm tiêu biểu như: “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844” và “Tư bản”. Ví dụ như có chỗ Mác lại viết: “Những hình thái đầu tiên của lao động, còn mang tính chất bản năng của một con vật” (C.Mác, Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t.III, tr.260).

⁶ Theo tác giả bài viết thì một cấu tạo tổng thể giá trị lao động thực tiễn của cái đẹp có thể bao gồm nhiều lớp hình thái (vật chất - tinh thần - thân thể - cảm quan - lý trí - tình cảm) chứ không phải chỉ đơn thuần là giá trị tinh thần hay giá trị vật chất.

thái giá trị: giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Còn trong hình thái giá trị của cái đẹp, lao động lại biểu hiện ra cụ thể ở hai hình thái giá trị: *giá trị tự do sáng tạo* (giá trị tạo lập cái bản thể của con người, tức tồn tại người, thước đo chỉ phẩm chất con người, bản chất con người) và *giá trị sản xuất vật phẩm đẹp*.

Quan điểm hệ thống

Ở Mác, quan điểm hình thái và quan điểm hệ thống lại luôn gắn kết chặt chẽ với nhau. Theo V.P Cu-dơ-min thì: “Nhu vậy, *khái niệm differentia specifica* được C.Mác sử dụng rộng rãi trong những điều kiện của các hệ thống xã hội là sự diễn tả đồng thời cả *tính hệ thống* của các hiện tượng xã hội lẫn *những đặc điểm hình thái lịch sử* - cụ thể của chúng. Khi bút chiến với Hêghen về bản chất và đặc điểm của các hiện tượng xã hội, Mác viết: “... Sự giải thích mà trong đó không vạch ra được *differentia specifica* (sự khác biệt đặc thù - B.T) thì không phải là sự giải thích”, bởi vì nếu việc xem xét chỉ dẫn tới chỗ nghiên cứu cái phổ biến trong các hiện tượng thì sự xem xét ấy chỉ mang lại cái vẻ bề ngoài của sự nhận thức thực sự; chừng nào ta chưa nhận thức được bản chất đặc thù của những đối tượng nghiên cứu thì nói chung ta chưa nhận thức được bản thân chúng” [7].

Từ quan điểm hình thái và quan điểm hệ thống, C.Mác đã đồng thời chứng minh:

Một là, bản chất của các hiện tượng xã hội, trong đó có cái đẹp được chứng minh bằng nguyên lý tính hệ thống. Bản chất của cái đẹp xã hội, và bản chất cái đẹp của chính con người xã hội thuộc vị trí hàng ba của chất lượng cấu tạo chung của hệ thống xã hội như là *những chất lượng hệ thống tổng hòa* (tổng hợp, toàn thể, toàn bộ và tổng thể thâm mỹ).

Hai là, bản chất xã hội của cái đẹp ở vị trí đặc thù của nó trong tính cặp với phạm trù kinh tế.

Khi phân tích những đặc điểm hệ thống, chỉ có thể phát hiện ra những chất lượng hệ thống nhờ sự phân tích khoa học. Bởi vì những chất lượng hệ thống là phức tạp nhất và thường khó có thể quan sát trực tiếp được chúng. Hơn thế nữa, sự phân tích khoa học phải bao trùm toàn bộ hệ thống nói chung. Mác đã đưa ra luận điểm về cơ sở chung của các hoạt động xã hội. Sản xuất là khâu trọng tâm trong toàn bộ hoạt động của con người. Về mặt lịch sử, sản xuất luôn luôn là phương thức xã hội của tồn tại vật chất của loài người. Đời sống sản xuất - như C.Mác từng khẳng định - cũng là đời sống có tính loài. Đó là *đời sống để ra đời sống*. Phương thức hoạt động sinh sống bao hàm toàn bộ đặc tính của một chủng nhất định, tính loài của nó, và hoạt động tự do, có ý thức là đặc tính loài của con người. Bản thân đời sống chỉ biểu hiện ra là phương tiện sinh sống. Vì vậy, chính trong khi cải biến thế giới vật thể mà con người lần đầu tiên đã thực sự tự khẳng định mình là một sinh vật có tính loài. Sự sản xuất đó là đời sống có tính loài tích cực của con người. Nhờ đời sống sản xuất, giới tự nhiên biểu hiện ra là tác phẩm và là thực tại của con người.

Nếu coi các nền tảng nhu cầu vật chất là vị trí chất lượng hàng một của lao động, thì loại chất lượng hàng hai là chất lượng chức năng, quy định sự chuyển dịch vị trí định danh hàng một của bản thân sự vật - vật chất sang nhiệm vụ chức năng của chúng.

Dạng thức tồn tại vật chất thuộc bản tính vật thể tự nhiên không phải là bản chất ứng cho toàn bộ cái đẹp. Cũng như vậy, sản xuất vật chất dù quyết định phương thức tồn tại của con người, nhưng những đặc điểm chất lượng vật chất lại không thể quyết định đối với toàn bộ bản chất của cái đẹp. Bản chất thứ hai do con người cấp cho thế giới đối tượng một hoạt động chức năng cũng không phải là bản chất ứng cho toàn bộ cái đẹp. Trong tính đặc thù

của nó, bản chất của cái đẹp xã hội nằm ở vị trí hàng ba của đặc điểm chất lượng hệ thống, *thống nhất với bản chất xã hội của con người, tức là bản chất tổng hòa, tổng hợp, tổng thể, hình thái, quan hệ và dưới dạng đời sống của xã hội.*

Như vậy, bản chất hàng ba trong tính đặc thù của cái đẹp có thể được xem xét một cách tổng thể bởi các quan hệ sống với bản chất hàng một và hàng hai, và được xem xét một cách tổng thể bởi dạng thức đời sống bao gồm cả dạng thức cấu trúc vật thể, cả dạng thức chức năng và dạng thức bản thể sống của con người trong lý tưởng thẩm mỹ về một bản chất hợp nhất giữa cái khách quan và cái chủ quan.

Bản chất của cái đẹp, do đó, là sự thống nhất giữa *cái cần thiết* của cấu trúc dạng vật thể, vật chất tự nhiên hoặc cơ cấu vật chất xã hội với *cái có ích* ở dạng chức năng do con người cấp cho vật thể, với *bản thể người* mang đặc trưng tính hệ thống, tính tổng hòa và tính tổng thể thẩm mỹ của hệ thống xã hội (đó là các dạng cấu trúc tổng thể phổ quát của cái đẹp xã hội như: “Chân - Thiện - Mỹ”).

Quan điểm hệ thống từ đó đưa đến quan điểm cấu trúc - chức năng, quan điểm tổng thể về bản chất của cái đẹp xã hội và vẻ đẹp của con người xã hội.

Quan điểm phát triển

Cái đẹp là một phạm trù lịch sử là kết luận được rút ra từ quan điểm phát triển. Tính quy định của thực tiễn vật chất đối với toàn bộ các hoạt động của con người đó là tạo ra bước chuyển từ tính “loài” động vật sang tính “loài” của con người xã hội. Con người hoạt động có tính loài chính là biểu hiện đặc thù và phổ quát. Đặc thù là so với bản thân giới tự nhiên nói chung và đặc thù phổ quát là trong toàn bộ lĩnh

vực xã hội. Con người biểu hiện tính loài của mình ở hoạt động sản xuất vật chất, ở ý thức và sự hợp tác với nhau trong sản xuất xã hội. Mác cho rằng con người muốn làm triết học, nghệ thuật... trước hết cần phải ăn, uống, ở, mặc. Trên nền tảng của nền sản xuất xã hội là sự vận động của các hệ thống kinh tế chính trị, sự hình thành nhà nước pháp lý và hệ thống tiêu kiến trúc thượng tầng trên một cơ sở hạ tầng tương ứng với nó.

C.Mác đã nhìn thấy cái tiền đề đầu tiên của quan điểm duy vật lịch sử về những quá trình xã hội ở sự phân biệt cái chung và cái đặc thù trong các quá trình đó. Với Mác, tri thức về thực tiễn vật chất của một nền sản xuất đời sống vật chất xã hội mới chỉ là điểm khởi đầu cho việc nhận thức toàn bộ các vấn đề về bản chất con người, về lịch sử xã hội con người. Hay nói một cách khác thì đó mới là tri thức về cái chung, cái bản chất chung của xã hội loài người, cái tính quy định chung đối với sự tồn tại con người. Nằm trong nền tảng của tri thức chung về đặc tính “loài” chung của con người xã hội. Tuy nhiên, Mác hiểu cái tính quy định chung của bản thân nền sản xuất vật chất không phải là một trạng thái phi lịch sử (như những gì Mác đã phê phán nhà kinh tế học Hăng-ri Stocơ-sơ (1766 - 1835) [5]. Đứng từ quan điểm hình thái, Mác khẳng định việc sản xuất ra của cải vật chất luôn có một hình thái phát triển nhất định trong lịch sử, và là một hình thái đặc thù của nền sản xuất vật chất. Điều này làm nên cái cơ sở mà trên đó mới có thể hiểu được các yếu tố tư tưởng của giai cấp thống trị, cũng như việc sản xuất tinh thần tự do của hình thái xã hội ấy. Ví dụ như luận điểm của C.Mác về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là thù địch với một số ngành sản xuất tinh thần như nghệ thuật và thơ ca [6]. *Bên cạnh đó, Mác còn nhiều lần nhấn mạnh đến tri thức về cái riêng, về cái tính quy định riêng, và về đặc tính “loài” nói riêng của lịch*

sử xã hội được lao động tác thành nơi con người, nơi bản thể của con người được biểu hiện ra với tất cả sự phong phú, sinh động và cụ thể của nó. Đây là một loạt các đặc trưng cốt lõi nên con người xã hội, và cả trên phương diện cá nhân của nó (tính cảm giác chủ quan của con người, tính nhân loại của cảm giác, tính cá nhân, phong cách tồn tại cá nhân, bản chất riêng của con người, *bản thể người*, phương thức tồn tại của đời sống cá nhân, bản chất tự do của lao động con người khi đứng đối diện với sản phẩm lao động, các lực lượng bản chất của con người...) được C.Mác trình bày thông qua một loạt các luận điểm quan trọng:

Khi bàn về bản thể của con người, Mác có các luận điểm sau: “Ý thức không bao giờ lại có thể là cái gì khác hơn là bản thể có ý thức cả (das bewusste Sein), mà *bản thể của con người* (TG nhấn mạnh) lại là quá trình sinh hoạt thực tế của họ”⁷. Trong phần phân tích này có thể thấy rõ Mác hiểu bản thể của con người là một bản thể có ý thức, có tư duy và phản ánh chính điều kiện sinh hoạt thực tế của con người.

“... đối với con người, hiện thực khách quan cũng đều trở thành hiện thực của những lực lượng của con người, tức là hiện thực của con người và do đó là hiện thực của những lực lượng của chính họ, cho nên đối với họ, hết thảy mọi đối tượng đều trở thành *sự khách quan hóa* của bản thân mình, trở thành những đối tượng đang thể hiện và thực hiện *cái bản thể của mình* (TG nhấn mạnh), những đối tượng của mình, nghĩa là đối tượng của *chính bản thân mình*”⁸. Ở đây, C.Mác cho rằng con người đã đối tượng hóa chính mình trong thế giới hiện thực và nhận lại được về mình bản thân thế giới hiện thực khách quan như là những lực lượng, những đối tượng để con

người thực hiện chính cái bản thể của mình trong đó.

Bàn về bản chất riêng của con người, Mác đưa ra luận điểm: “Đặc điểm sức mạnh của bất cứ con người nào cũng chính là *cái bản chất riêng* của họ... không phải chỉ ở trong tư duy mà bằng *tất cả các* giác quan, con người do đó đã tồn tại rõ rệt trong thế giới khách quan”⁹. Mác đã rất sâu sắc khi phân tích rằng ở bản chất con người có cả bản chất chung (bản chất xã hội) và có cả cái bản chất riêng có ở mỗi con người. Chúng ta biết được đặc điểm sức mạnh ở bất cứ con người nào (tức là mỗi cá nhân) là thông qua chính cái bản chất riêng của họ, căn cứ vào năng lực tư duy và cả vào năng lực của tất cả các giác quan, nhờ đó mà một cá nhân trở nên một tồn tại cụ thể, rõ rệt trong thế giới khách quan.

Bàn về lịch sử phát triển nghệ thuật từ quan niệm hình thái, Mác viết: “Đối với nghệ thuật, người ta biết rằng những thời kỳ hưng thịnh nhất định của nghệ thuật *hoàn toàn không tương ứng* (TG nhấn mạnh) với sự phát triển chung của xã hội, do đó cũng không tương ứng với sự phát triển của cơ sở vật chất của xã hội”¹⁰. Luận điểm này cho thấy hình thái ý thức nghệ thuật phản ánh tồn tại xã hội, song quy luật phát triển của nghệ thuật lại không phải là một trạng thái chung với cơ sở vật chất của xã hội, mà nghệ thuật còn tuân theo các quy luật phát triển hình thái của các loại hình, loại thể của chính nó (tính đặc thù của hình thái nghệ thuật).

Khi bàn về phương thức tồn tại của đời sống cá nhân, Mác còn đưa ra nhận xét: “Xét về tính tất yếu, phương thức tồn tại của đời sống cá nhân thường là sự biểu hiện hoặc *đặc thù* hơn hoặc *phổ biến* hơn của đời sống chung

⁷ Sdd, tr43 - 44.

⁸ Sdd, tr 23.

⁹ Sdd, tr 24

¹⁰ Sdd, tr33.

loại” [7]. Theo đó thì phương thức tồn tại của đời sống cá nhân có thể là một tấm gương phản chiếu của đời sống chung loại song lại biểu hiện ra không cùng cấp độ chung với đời sống chung loại ở đặc điểm hoặc là điển hình hơn, hoặc là phổ biến hơn.

Bản về tính cảm giác chủ quan của con người và lịch sử hình thành của năm giác quan, Mác lập luận: “Chỉ có thông qua sự phong phú, đã được phát triển về mặt vật chất, của bản chất con người, thì *sự phong phú về tính cảm giác chủ quan của con người* mới phát triển và một phần thậm chí lần đầu tiên mới được sản sinh ra: lỗ tai thính âm nhạc, con mắt cảm thấy cái đẹp của hình thức, nói tóm lại là những cảm giác có khả năng về sự hưởng thụ có tính chất người và *sự khẳng định mình như những lực lượng bản chất của con người (TG nhấn mạnh)*” [6]. Mác coi phương thức tồn tại của đời sống mỗi cá nhân đó chính là quá trình hình thành các năng lực chủ quan, là khả năng hưởng thụ mang tính chất người, được Mác xem như là những lực lượng bản chất của con người.

“*Sự hình thành năm giác quan là công việc của toàn bộ lịch sử toàn thể giới đã diễn ra từ trước đến nay*”¹¹. Trong hình thức của xã hội, các khí quan xã hội đã hình thành trong vai trò của năm giác quan và trở thành một phương thức thể hiện sự sống của con người xã hội.

Lịch sử cụ thể của các quan hệ người bóc lột người qua các chế độ xã hội, các phương thức sản xuất xã hội, biểu hiện tập trung ở phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mác đã chỉ ra nguồn gốc của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chính là nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa lao động, sự tha hóa của cái đẹp. Sự tha hóa của con người lao động cũng bao gồm cả sự tha hóa của cái đẹp trong lao động.

Mối quan hệ giữa tha hóa lao động và chế độ tư hữu tư sản được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa người công nhân bỏ ra sức lao động bị bóc lột qua lao động làm công ăn lương và nhà tư bản. Chế độ tiền công là biểu hiện bên ngoài của sức lao động của người công nhân bị nhà tư bản chiếm đoạt về giá trị thặng dư. Đây là bản chất của quá trình phân hóa giàu nghèo, bản cùng hóa lao động trong quá trình tích lũy tư bản và là nguồn gốc tích tụ giá trị thặng dư trong sử dụng và bóc lột sức lao động làm thuê. Sự tha hóa cái đẹp làm suy yếu các chức năng xã hội tổng thể của cái đẹp, nhất là ở bản chất hàng ba - bản chất tổng hòa (tổng thể, hài hòa) của con người xã hội. Sự tha hóa cái đẹp sẽ dẫn đến tình trạng các hoạt động thẩm mỹ, sáng tạo cái đẹp sẽ rơi xuống vị trí hàng một, bị đồng nhất trực tiếp với các nhu cầu vật chất.

Tha hóa lao động, theo C.Mác, là hiện tượng xã hội xuất hiện trong điều kiện chế độ tư hữu. Hoạt động lao động vốn là bản chất của con người xã hội, là biểu hiện tự do của đời sống con người, là sự khẳng định đời sống cá nhân, và là phương tiện sinh sống của con người, thì nay trở thành hoạt động bắt buộc dĩ đối với con người. Dưới áp lực của hoạt động lao động nay không còn nảy sinh như là hoạt động do nhu cầu tất yếu nội tại bên trong con người, con người bị hiện tượng tha hóa bủa vây: *một mặt*, tính cá biệt của con người bị tha hóa khỏi chính chủ thể người; *mặt khác*, con người trở nên xa lạ với chính những sản phẩm lao động của chính mình. Như vậy, tha hóa lao động dẫn đến tha hóa cái đẹp (điều kiện cho sự khẳng định cái độc đáo riêng của tính cá biệt con người, của bản thể của con người). Cái đẹp chính là mặt hiện thân của bản thể xã hội của con người nay bị tha hóa ra khỏi con người. Con người lao động sáng tạo ra các vật phẩm đẹp song họ lại không được hưởng thụ những

¹¹ Sđd, tr20

giá trị ấy của đời sống. Đây chính là những biểu hiện của tấn bi kịch của con người bị tha hóa khỏi bản chất xã hội của chính mình (tha hóa cái đẹp). Do chỗ, cái đẹp chính là một hình thái giá trị kết tinh của lao động tự do sáng tạo mang bản chất xã hội. Lao động chính là thực thể của mọi giá trị.

Sự tha hóa của cái đẹp, do đó là sự tha hóa của chính con người trong lao động về phương diện bản thể của con người. Những giá trị, những khả năng hưởng thụ có tính chất người, những lực lượng bản chất của con người bị suy thoái cùng với tha hóa lao động. Tha hóa cái đẹp cũng chính là sự suy yếu, suy giảm các chức năng hoạt động sáng tạo nói chung và sáng tạo thẩm mỹ nói riêng. Khái niệm “con người hàng hóa” là khái niệm đắt giá nhất mà C.Mác đã đưa ra để chứng minh cho sự tha hóa của con người lao động trong điều kiện của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. “Nền sản xuất sản sinh ra con người - C.Mác viết - không những chỉ với tính cách là *hàng hóa*, không những chỉ với tính cách là *con người hàng hóa*, con người với sự quy định của *hàng hóa*; nó sản xuất ra con người theo sự quy định ấy, như là một thực thể *mất tính chất người* cả về mặt *tinh thần* lẫn thể xác - Tính vô đạo đức, sự biến chất, sự đàn độn của cả công nhân lẫn nhà tư bản. - Sản phẩm của nền sản xuất đó là *hàng hóa có một ý thức và có một hoạt động độc lập... là con người hàng hóa...*” [6].

Như vậy, theo Mác nguồn gốc của sự tích tụ tư bản là bóc lột lao động làm thuê. Các quy luật giá trị và giá cả hàng hóa đã nhất loạt tác động chi phối lên toàn bộ các lĩnh vực của đời sống tinh thần, đời sống thân thể của cá nhân và của toàn xã hội. Từ đó Mác đi đến tư tưởng giải phóng con người khỏi sự tha hóa lao động và tha hóa cái đẹp. Giá trị nhân văn, nhân đạo trong tư tưởng của Mác về giải phóng con người, giải phóng cái đẹp đã cho thấy lý luận xã hội của chủ

nghĩa Mác trên phương diện thẩm mỹ đã thống nhất quá trình phân tích bản chất tổng hòa (tổng thể, hài hòa) của cái đẹp với bản chất tổng hòa (toàn bộ) các quan hệ xã hội của con người.

Quan niệm duy vật về lịch sử được C.Mác xây dựng trên cơ sở học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, trên cơ sở quan điểm hình thái. C.Mác đã luận chứng cho quá trình phát triển lịch sử của loài người như là một quá trình lịch sử tự nhiên. Lịch sử loài người là lịch sử của các chế độ xã hội thay thế lẫn nhau. Nhờ có *học thuyết về các hình thái* mà những hình thức lịch sử của đời sống xã hội trở thành *những hình thức mang tính hệ thống*. Những cấu trúc chức năng của xã hội, và các hình thái lịch sử - cụ thể của các hiện tượng xã hội cũng đều trở thành *có tính hệ thống*¹².

Phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác khi đi vào phân tích lĩnh vực của cái đẹp (cái đẹp), đã được Mác triển khai bằng một loạt các phương pháp tiếp cận quan trọng, xuất phát từ sự phân tích bản chất các hiện tượng xã hội một cách có hệ thống. Mác trước hết đã phân tích mặt hình thái của lao động, mặt chất lượng của hệ thống, mặt cấu trúc chức năng, trên quan điểm phát triển, lịch sử - cụ thể, về tính quy định của nền tảng sản xuất vật chất đối với quá trình hình thành bản chất tổng thể, tổng hòa của cái đẹp, của chính con người xã hội, và do đó đã phân tích bản chất của cái đẹp ở *những hệ thống hiện thực, thực tiễn*. Giá trị của phương pháp phân tích khoa học này nằm trong ý nghĩa phương pháp luận về *đối tượng nghiên cứu là cái đẹp*, đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn giá trị của nó. Bản chất tổng hòa các giá trị xã hội và tự nhiên của cái đẹp luôn thể hiện tính điển hình của nó trong sự hài hòa thống nhất và cả trong những xung đột sâu xa nơi bản chất xã hội và cá nhân của con người xét trên toàn bộ cuộc vận động lịch sử của cái đẹp qua các hình thái kinh tế xã hội.

¹² Sđd, tr81.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 1995, t.42, tr.137.
- [2] C.Mác, Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1978, t.1, tr.429.
- [3] C.Mác, Ph.Ăngghen, Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, t.III, tr.669.
- [4] C.Mác, Tư bản. Phê phán khoa học kinh tế chính trị, Nxb Sự thật, 1973, quyển thứ nhất, t.I, tr. 85-86.
- [5] C.Mác: Các học thuyết về giá trị thặng dư (quyển IV của bộ Tư bản) Nxb Sự thật, Hà Nội, 1965, ph.I, tr.385, 549.
- [6] C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin: Về văn học và nghệ thuật, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 20, 23, 24, 33, 43 - 44, 69, 70, 76, 81.
- [7] V.P.Cu-đơ-min: Nguyên lý tính hệ thống trong lý luận và phương pháp luận của C.Mác, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.23, 75, 165, 167.

The Method of Karl Marx in Discovering the Nature of the Beauty

Đỗ Thị Minh Thảo

*VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyễn Trãi Road, Thanh Xuân Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: Nowadays, when scientific knowledge has become the direct productive forces, knowledge of economy has long been considered as the common foundation for social development.

In fact, the rate of success of the intellectual elite of characteristic economy has always played the role as the creative factor of the countless trade names of commodities in the modern social life. Meanwhile, the rate of failure can be found right in the intellectual elite of general economy, if it is not to be operated to become the intellectual elite of characteristic economy. Therefore, from the story about the intellectual elite of characteristic economy, we can be able to withdraw the lessons from the philosophy-aesthetics heritage of Karl Max in which the history of the beauty (belonging to the characteristic intellectual elite) has got access to the accompaniment with the economic issue (the general foundation for the development of social life).

This is of clearly methodological significance in the awareness of historical materialism against the limitations in the awareness of economic materialism (When economy was considered to be the only decisive factor in social history). For a long time, the beauty has been considered the measurement of human quality, the measurement of the human beings in the world of objects. It always plays the role of new economic springboard, because after all, the economy is nothing if it does not aim towards the goal for human beings, the goal to build the ever more beautiful human society.

Karl Marx is one of the greatest masters of mankind who used the methodology of the general to discover and access the methodology of the peculiarity. Moreover, Karl Marx also established the beauty as a category of economic leverage through the argument that human beings are also built according to the rules of the beauty.

Through the category of the beauty, we can totally be able to explain better the human nature and human society from both origins; society and humanity.

Keywords: The characteristic knowledge of economy, the beauty belongs to the characteristic intellectual elite, economic materialism, the methodology of the peculiarity, the beauty is the new springboard of economy.